

"Gia đình là tế bào xã hội"?

HOÀNG THIỆU KHANG

Gia đình - khái niệm ấy vẫn đang nằm trong vùng bí mật đối với các khoa học - cả khoa học xã hội lẫn khoa học tự nhiên. Chỉ có thể đưa khái niệm ấy ra ánh sáng khi biết thực thi một tổng hòa các khoa học, có nghĩa là thực thi một cách *tiếp cận triết học* mang tinh thần của biện chứng tự nhiên và biện chứng lịch sử.

Hiểu không đầy đủ hoặc thậm chí hiểu sai khái niệm này, chẳng những vi phạm đến tính khoa học mà quan trọng hơn, còn phương hại đến sự tác thành nhân cách con người từ thuở sinh thành đến tuổi thanh niên. Và như thế sẽ là sự phương hại đến cả một đời con người.

Nền giáo dục hiện đại quá lo toan đến phương pháp, lo chỉnh trang *cách giáo dục...* để rồi quên mất việc đi tìm bản thể người trong tư cách *sinh thành chủng loại ở từng cá thể* con người. Dường như các nhà giáo dục hiện đại đã bằng lòng với những kết luận về yếu tính con người của triết học Cổ điển và những thập kỷ đầu thế kỷ XX? Sẽ không thể có một hệ thống biện pháp, phương pháp giáo dục đúng đắn, hiệu quả khi nó chưa xác lập được nền tảng từ một khái niệm chính xác và hoàn chỉnh về con người nơi sinh thành - *nơi chưa có bóng dáng xã hội*.

Có thể đồ thị hóa một lịch trình của nhân cách theo tinh thần của *biện chứng tự nhiên*. Nằm trong bụng mẹ, con người bào thai đã thực thi một mối liên kết có *hình đoạn thẳng*. Hai điểm mút của đoạn thẳng là đứa con và bà mẹ. Chất của đoạn thẳng này là chất *vô thức - người*. Đồ thị đoạn thẳng này hiện ra ở cả thời kỳ con người sơ sinh: Và không nên quên, đó là một *hạt nhân*, một nền tảng tinh thần bất biến của cá thể người suốt cả một đời.

Bé sơ sinh lớn dần trong vòng tay của mẹ và rời của bố. Đồ thị có đôi hình thái. Một mối liên kết có hình tam giác được hình thành. Tuy đồ thị có thay đổi mà chất của mối liên kết thì vẫn như trước. Nó mang chất *huyết thống tự nhiên* - chất vô thức - người.

Bé lại lớn dần lên, mối quan hệ được mở rộng đến những thành viên khác trong gia đình. Bây giờ, quan hệ huyết tộc được đồ thị hóa thành hình tứ giác, đa giác.

Đến đây, chất tự nhiên vô thức - người của cá thể được xem như *hoàn tất về cơ bản*. Về sau, chất này vẫn phát triển; nhất là trong những nhân cách có tín ngưỡng mạnh mẽ về một lực lượng siêu nhiên nào đó. Nhưng đó chỉ là quá trình biểu hiện cái hạt nhân đã có từ đầu, trên một trình độ cao hơn - trình độ của một tiến trình ý thức phong phú đã chuyển hóa được thành vô thức. Đó cũng là biện chứng phát triển của vô thức - người.

Nếu khảo sát tính người như thế thì liệu cái định nghĩa "*gia đình là tế bào xã hội*" có đúng được hay không? Và nếu thừa nhận hạt nhân của nhân cách là một chất vô thức - người từ máu mủ huyết tộc thì có nên đi tìm một hệ thống biện pháp, phương pháp để phát huy chất ấy không? Đó mới chính là tư tưởng giáo dục của J.J. Rousseau - một tư tưởng đã bị bỏ qua bởi những thái độ duy vật cạn cợt.

Gia đình là một cộng đồng máu tự nhiên. Phá vỡ mãi chất tự nhiên này, đòi xã hội hóa gia đình thì cũng tức là đang hủy diệt gia đình. Phá vỡ gia đình đồng nghĩa với triệt tiêu một nguồn cơ bản, quan trọng nhất của sự tác thành nên nhân cách.

Gia đình cho con người những phẩm chất nhân tính. Xã hội sẽ cho con người những phẩm chất xã hội, những tri thức. Và xét đến cùng thì nếu không có những phẩm chất nhân tính thì cũng không thể có những phẩm chất xã hội tốt đẹp, những tri thức đúng đắn, sâu sắc những năng lực xã hội dồi dào... Chả trách mà Không tử đã đòi tề gia rồi mới trị quốc, bình thiên hạ.

Kinh nghiệm thất bại của chúng ta trong giáo dục là chúng ta quá coi nhẹ nội dung giá trị gia đình. Thậm chí, có khi trong những hoạt động chính trị xã hội, chúng ta đã vi phạm đến những tình cảm tự nhiên thiêng liêng ấy. Trong sự phát triển con người, phát triển lịch sử theo hướng tuyệt đối thì không thể chấp nhận được việc con cái đấu tố ông, bà, bố, mẹ; anh chị em đấu tố lẫn nhau... Có thể thu được một chút lợi nhỏ nào đó trước mắt mà di hại thì sẽ là vô cùng cho mai sau.

Vả chăng, không một lực lượng nào, xét đến cùng, lại có thể hủy diệt được đơn vị tự nhiên là gia đình, họ hàng huyết tộc.

Qua nhiều cơn bão lửa... gia đình hiện đại Việt Nam tan tác... tưởng con người đã nằm yên bề là thực thể xã hội thuần túy nữa mà thôi. Nào ngờ, đến một lúc thích hợp, nó vẫn quay lại với cha mẹ, anh em ruột rà, quay lại xu hướng về mô mẫu tổ tiên. Có bao người con đã biết ân hận cả một đời còn lại vì ngộ nhận nông nổi khi cực tả. Anh ta đang đi tìm mồ của bố, của mẹ... bị lấp vùi đâu đã vì là những xác vô thừa nhận! Có những cuộc về quê hương của những đứa con xa xứ, phiêu bạt. Có những lễ giỗ được tổ chức linh đình. Tôi đã tận mắt thấy một xe ô tô lớn cho đầy những vị tướng, tá đã bạc đầu hơn hở về quê dự lễ trùng tu nhà thờ họ. Trên báo chí mỗi ngày, có bao nhiêu thông báo về các cuộc họp đồng hương.

Cuộc trở về đơn vị gia đình huyết tộc của những con người Việt Nam đương đại thật là rộn ràng, náo nhiệt. Trong không khí ấy, không phải không có những ăn năn, hối hận, đau lòng...

Đến nay thì mỗi con người Việt Nam đã thể hiện đều tương như giản dị này: gia đình huyết tộc là gia đình huyết tộc. Chuyển nó thành một đơn vị xã hội - "một tế bào xã hội, là vi phạm bản chất của cộng đồng này.

*

* *

Phần vừa trình bày là sự tiếp cận với gia đình theo tinh thần của phép biện chứng tự nhiên. Cũng cần tiếp cận với gia đình bằng tinh thần của phép *biện chứng lịch sử* để hoàn thành bức tranh" bí mật này.

Động vật được tự nhiên hoàn tất bản chất ngay từ khi lọt lòng. Đó là những thực thể mang chất bản năng thuần túy. Động vật sống không cần đến "xã hội" chủng loại của nó. Nó không cần "gia đình", chỉ cần một đùm bọc nào đó trong thời kỳ đầu của con mẹ bản năng.

Con người "bất hạnh" trước tự nhiên hơn. Tự nhiên không sinh trực tiếp ra con người. Tự nhiên chỉ ban phát cho con người tiền đề sinh thể để con người tự lo xoay sở và tự tác thành nên mình.

Quy luật sinh thành này ứng vào chỉ con người trong thời kỳ nguyên thủy lẫn con người về sau, con người hiện đại.

Trong thời nguyên thủy, con người cũng được sinh ra trong gia đình, bằng gia đình. Tình yêu thương những con người trong gia đình nảy nở một cách tự nhiên, vô thức vì nó gắn liền với sự tồn tại của mỗi con người. Không một ai lại không tiềm tàng yêu mến những

gì đã sinh ra mình, đảm bảo sự tồn tại của mình. Đó là *tình cảm đầu tiên hình thành nên trái tim con người-một* tình cảm tự nhiên chưa hề nhuộm tính xã hội - một chất nhân tính thứ nhất.

Trong gia đình con người nguyên thủy chưa có sự phân công lao động đúng với nghĩa của khái niệm “phân công”. Đó là một cuộc tự chọn công việc dựa theo tổ chức tự nhiên cơ thể của mỗi người đàn ông, đàn bà, trẻ con...

Cũng trong sự sản xuất ra những sản phẩm vật chất, kèm theo tình yêu thương tự nhiên, *lòng kính trọng* cũng xuất hiện. Đó cũng là biện chứng tự nhiên của sự phát triển con người.

Chẳng là, đến một lúc nào đó của sự phát triển sức sản xuất, sự sản xuất đòi hỏi phải có sự tham gia của *kinh nghiệm sản xuất*. Logic kinh nghiệm nằm nơi sự từng trải, có nghĩa là nằm trong lực lượng những người có tuổi. Vai trò của kinh nghiệm càng cao thì vai trò tinh thần của những người có tuổi cũng càng cao. Thế là xuất hiện trong cộng đồng tự nhiên gia đình một lòng kính trọng bố mẹ. Đó cũng là một tình cảm tự nhiên. Tình yêu đã đi bước trước để cho lòng kính trọng đi bước thứ hai tiếp theo. Một tình cảm tự nhiên tương ứng với sự tồn tại, một tình cảm tự nhiên tương ứng với sự phát triển vật chất của con người.

Xét đến cùng, cái tình cảm kính trọng tự nhiên này sẽ làm cơ sở sâu xa nhất cho tinh thần tôn giáo, tín ngưỡng. Từ kính trọng, con người sẽ có *cách thể chiêm ngưỡng* những thần tượng siêu nhiên. Con người có khát vọng nối liền mình với cái siêu nhiên, khát vọng đồng dạng với cái vi mô nhỏ nhoi là mình với cái vĩ mô tuyệt đối là thần thánh.

Và trong hiện thực cuộc sống tinh thần của cộng đồng người nguyên thủy thì đó sẽ là lòng kính trọng những người già cả. Chúng ta hiểu vì sao trong tư tưởng con người nguyên thủy thì người già nhất bộ lạc sẽ là hiện thân của thần thánh, là chiếc cầu nối giữa cuộc sống trần thế với cõi siêu nhiên huyền bí.

Cộng đồng con người nguyên thủy với những tình cảm tự nhiên, những lễ phải xuất phát từ những quan hệ tự nhiên giữa người với người. Cộng đồng ấy là một thể *quan tự tự nhiên* của các gia đình, là gia đình tự nhiên mở rộng theo *logic tổng số*.

Hình thái quan hệ tự nhiên ấy vẫn được tiếp tục qua các thời kỳ lịch sử về sau khi quan hệ xã hội vẫn là những quan hệ tự tự nhiên nảy sinh trên cơ sở một nền sản xuất, một nền kinh tế tự nhiên.

Đến thời kỳ những quan hệ sản xuất sản phẩm vật chất được xã hội hóa ngày càng cao, sự sản xuất trút bỏ hình thái tự nhiên cổ truyền để đổi sang hình thái hiện đại. *Hình thức gia đình có một chuyển đổi quan trọng*.

Nếu trước đây, gia đình vừa là cộng đồng tự nhiên huyết tộc, vừa là đơn vị kinh tế tự nhiên thì nay, gia đình chỉ còn là một cộng đồng huyết tộc nữa mà thôi. Bây giờ, trong các xã hội hiện đại, có thể mỗi người trong nhà làm mỗi nghề nghiệp khác nhau.

Là một thành viên xã hội, con người hoạt động kinh tế, chính trị. . . trong những quan hệ xã hội rộng lớn. Là một thành viên của gia đình con người vẫn quan hệ với nhau bằng tình máu mủ, bằng những quan hệ huyết tộc tự nhiên trong trẻ. Đôi cánh “nàng thơ” không bao giờ bay đi khỏi mái ấm gia đình. Đến thời tư bản, nàng chỉ bay đi khỏi những quan hệ xã hội mà thôi.

Như vậy, ai dám nói "gia đình là tế bào xã hội" ?

Nhìn cơ chế các xã hội từ tiền tư bản trở về trước - các xã hội mang quan hệ tự nhiên, việc hiểu gia đình là tế bào xã hội đã sai lầm về việc *nhầm lẫn phạm trù*.

Nhìn cơ chế xã hội hiện đại - một xã hội xây dựng trên những quan hệ mang tính xã

hội giữa người với người, hiểu gia đình như trên là một sai lầm khoa học trầm trọng. Có thể tóm lại trong những câu ngắn gọn để biểu thị tư tưởng chủ yếu của bài viết này: gia đình thuộc phạm trù tự nhiên - người. Nó được điều hành bằng những logic tự nhiên. Nó không phải là một đơn vị xã hội. Và sẽ là bi kịch gia đình khi ai đó định tổ chức ra đình theo kiểu "Khế ước xã hội".

Gia đình - một thiết chế từ hướng tiếp cận xã hội học

VŨ TUẤN HUY

Chúng ta biết rằng không có một loại hình gia đình đồng nhất, giống nhau ở mọi nơi và mọi thời điểm. Những thay đổi lớn đang diễn ra quy mô trong gia đình, mức độ quan hệ thân tộc, mô hình nơi ở, và các quan hệ bên trong đời sống gia đình. Những đặc điểm này thay đổi không chỉ từ nền văn hóa này nền văn hóa khác mà còn từ gia đình này đến kia đình khác trong cùng một nền văn hóa.

Trong tiếp cận đến vấn đề gia đình, các nhà nhân chủng học tập trung vào cấu trúc gia đình thường bỏ qua khía cạnh tinh cảm của đời sống gia đình. Các nhà tâm lý học tập trung vào sự phát triển của trẻ em và sự điều chỉnh của cá nhân có lúc bỏ qua những biến đổi về văn hóa và những khía cạnh của tổ chức xã hội. Xã hội học gia đình tập trung vào trật tự xã hội của đời sống gia đình. Gia đình là đối tượng của nhiều khoa học chuyên biệt, và vì thế, việc sử dụng các khái niệm của các lý thuyết khác nhau là điều thường xảy ra. Có thể ví mỗi gia đình là một tế bào xã hội hay là gì đi nữa thì những ẩn dụ ấy cũng chỉ nói lên rằng gia đình có một vai trò quan trọng nào đó đối với xã hội. Và nếu như người ta muốn gắn thêm cho cách hiểu như vậy nhưng ý nghĩa nào khác thì thực sự chúng ta không thể tiến thêm một bước nào để hiểu về bản thân gia đình và những quan hệ của nó với xã hội trong quá trình phát triển lịch sử, từ những quan niệm như vậy. Cơ thể sống cấu tạo nên từ những tế bào. Nhưng xã hội không thể là tổng số của những gia đình.

Bất kỳ xã hội nào muốn tồn tại đều phải giải quyết những vấn đề chung nhất: sinh con đẻ cái để tạo ra thế hệ mới. Hợp pháp hóa hành vi đó trong hôn nhân; chăm sóc con cái, xã hội hóa: truyền bá kiến thức được tích lũy từ thế hệ này đến thế hệ khác; những khía cạnh tâm linh về ý nghĩa của đời sống con người, phân bổ quyền lực và kiểm soát xã hội; sản xuất, phân phối và tiêu dùng của cái vật chất. Những nhiệm vụ đó được thực hiện theo một hệ thống các quy luật đòi hỏi xã hội tạo ra những thiết chế (institution) của mình. Đó là một hệ thống các chuẩn mực, giá trị, các địa vị và vai trò phát triển xung quanh những nhiệm vụ cơ bản của xã hội. Chính vì vậy, các thiết chế biến đổi khi hệ thống các giá trị hoặc những điều kiện trong xã hội thay đổi và giữa các nền văn hóa khác nhau thì các thiết chế có những đặc điểm khác nhau. Đây là căn cứ để xác định gia đình là một trong những thiết chế xã hội cơ bản. Nó là cơ bản vì gia đình vốn phải giải quyết khá nhiều những nhiệm vụ chung của xã hội bên cạnh các thiết chế xã hội khác: chính trị, kinh tế, tôn giáo, giáo dục.

Xem gia đình như một thiết chế xã hội giúp chúng ta định hướng đến những vấn đề gia đình. Đó là vấn đề hôn nhân và sự hình thành đời sống gia đình, những biến đổi của tổ chức gia đình và những chức năng của nó, mối quan hệ gia đình với các thiết chế xã hội khác: Biến đổi xã hội đã tác động đến gia đình như thế nào và những phương diện nào. Ngày nay nhà khảo cổ học nói với chúng ta rằng loài người có lịch sử ít nhất một triệu năm. Họ không thể nói với độ tin cậy như vậy rằng hôn nhân cũng có lịch sử ít nhất một triệu năm. Nhưng chúng ta có thể giả định hợp lý rằng hôn nhân trong những hình thức nào đó đã tồn tại qua toàn bộ lịch sử loài người".

Đây là quan điểm của Edward West Marck trong cuốn "Lịch sử hôn nhân" của ông viết gần tám mươi năm trước đây. Và ông khẳng định rằng "hôn nhân bắt rễ trong gia đình chứ không phải là điều ngược lại". Do đó, hôn nhân phải được kiểm soát bởi cộng đồng để bảo đảm tính liên tục của gia đình.

Chúng ta chưa xét tới gia đình trong hình thức của nó là hạt nhân hay gia đình mở rộng. Mỗi con người sau khi kết hôn thuộc về hai gia đình; gia đình riêng được gọi là gia đình sinh đẻ (procreation family) và gia đình định hướng (orientation family), nơi người đó sinh ra và được nuôi dưỡng trước khi bước vào hôn nhân. Vì mục đích của nó, đời sống hôn nhân có thể gọi là thành công và hạnh phúc ít nhất khi hai vợ chồng có con và sống với nhau đến tuổi già, hoặc trong sự bất hạnh khi hai vợ chồng ly dị nhau để không bị trở nên bất hạnh hơn. Đó chỉ là những nét chung nhất. Đối với người Việt, hôn nhân là một điều mong muốn. Có nhiều con và nhất là con trai là một giá trị truyền thống. Vì vậy, khi không có con hoặc không có con trai, cuộc hôn nhân về phía người vợ sẽ không được đảm bảo.

Khi có con cái, hôn nhân dù kết thúc như thế nào thì gia đình vẫn còn đó. Vì vậy, trong mỗi cuộc hôn nhân đều có một gia đình, nhưng trong mỗi gia đình chưa hẳn đã có một cuộc hôn nhân. Con cái họ qua hôn nhân lại hình thành nên những gia đình mới. Nhưng bao giờ cũng vậy, gia đình định hướng là điểm đầu tiên để các gia đình sinh đẻ mọc nối vào đó tạo nên hệ thống thân tộc.

Một chuẩn mực khác trong hôn nhân là cấm loạn luân. Sự hình thành của thiết chế thân tộc là một yếu tố cần thiết vạch biên giới cho hôn nhân. Vì vậy dù xã hội biến đổi như thế nào thì thiết chế thân tộc vẫn tồn tại để thực hiện chức năng đó và những nhu cầu xã hội khác. Tất nhiên ở mức độ nào thì luật pháp đã quy định) nhưng trên thực tế thì lại là chuyện khác. Trong một nghiên cứu quan hệ thân tộc ở một xã thuộc tỉnh Hà Bắc, năm 1992 của Viện Xã hội học, quan hệ dòng họ ở đây là những quy định nghiêm ngặt vượt quá những đòi hỏi của luật pháp. Một đôi trai gái tìm hiểu nhau và có ý định kết hôn. Nhưng khi về quê tìm đến họ hàng thì các cụ cao tuổi trong họ dứt khoát không cho cưới vì họ có một ông tổ chung đến họ là đời thứ 21 .

Trong những vấn đề của hôn nhân và gia đình, ý nghĩa và quyền lực của hôn nhân là những vấn đề quan trọng nhất quyết định hình thức tổ chức của gia đình - yếu tố cấu trúc, gia đình sẽ thực hiện những nhiệm vụ gì - yếu tố chức năng, và những quan hệ bên trong gia đình. Ý nghĩa và quyền lực của hôn nhân đặt ở đâu không phải là một sự tùy tiện, mà được quy định bởi một hệ thống các chuẩn mực, giá trị phản ánh trong các thiết chế tôn giáo, chính trị, kinh tế trong các xã hội cụ thể.

Chuẩn mực xã hội truyền thống nhất xem hôn nhân là một hiện tượng thiêng liêng, được tạo ra bởi thượng đế hoặc nhưng quyền lực siêu nhiên. Trong hình thức cực đoan của nó, hôn nhân không chỉ là thiêng liêng mà còn là một lời nguyện. Đạo Cơ đốc xem hôn nhân như một trong bảy lời nguyện.

Chuẩn mực truyền thống thứ hai cũng xem hôn nhân là thiêng liêng nhưng quyền lực

của nó xoay quanh những nghĩa vụ xã hội. Nguồn gốc quyền lực không phải là thượng đế, mà nhóm thân tộc, cộng đồng.

Chuẩn mực thứ ba mới xuất hiện xem hôn nhân tồn tại vì cá nhân. Trong ý nghĩa này, nguồn gốc quyền lực thuộc về cá nhân. Mỗi cá nhân là người có trách nhiệm chủ yếu đối với hôn nhân của mình.

Có ít nhất 3 ý nghĩa cơ bản này của hôn nhân tồn tại cho đến ngày nay. Sự thiếu đồng nhất trong nguồn gốc quyền lực của hôn nhân là cơ sở cho hầu hết các vấn đề xung đột trong hệ thống hôn nhân và gia đình.

Những vấn đề của hôn nhân và gia đình Việt Nam cần phải được nghiên cứu từ góc độ lịch sử và thực nghiệm để đối sách làm sáng tỏ những chuẩn mực này của hôn nhân hoạt động ở mức độ nào. Chắc chắn rằng chuẩn mực truyền thống đầu tiên chỉ hoạt động khi Thiên chúa giáo bắt rễ được trong xã hội Việt Nam. Còn chuẩn mực truyền thống thứ hai thì hầu như xuyên suốt lịch sử, là nét đặc trưng của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay không phải không có những biến đổi.

Có thể chỉ ra những bằng chứng thực nghiệm trong kết quả điều tra KAP - 1993 về kế hoạch hóa gia đình trong 7 tỉnh ở Việt Nam về sự nổi lỏng những chuẩn mực hôn nhân. Nếu như trước kia, một cô gái không chồng mà chửa thì chỉ có thể bỏ làng mà đi hoặc tìm đến cái chết, thì ngày nay dư luận xã hội có sự khoan dung hơn. Số liệu cũng chỉ ra mức độ biến đổi khác nhau giữa các vùng, giữa đô thị và nông thôn.

Một khía cạnh khác về sự biến đổi của chuẩn mực hôn nhân là từ hôn nhân hoàn toàn do bố mẹ sắp đặt trước đây đến ngày nay, Con cái có quyền tìm hiểu, được sự hướng dẫn, chấp thuận của bố mẹ. Khi chính thể hệ bố mẹ đã có những thay đổi. Thế hệ con cái cũng không thể đòi hỏi hơn về tự do cá nhân tuyệt đối trong điều kiện của những ràng buộc về kinh tế, văn hóa. Phải chăng đây là mô hình hợp lý trong việc quyết định hôn nhân nhằm đảm bảo tính ổn định tối đa của nó và giảm sự căng thẳng giữa các thế hệ. Cũng trong nghiên cứu của Viện Xã hội học về quan hệ thân tộc ở một xã của tỉnh Tiền Giang, khi tìm hiểu về mô hình quyết định hôn nhân của thế hệ trẻ ngày nay, chúng tôi nhận được câu trả lời từ các bậc cha mẹ rằng “nếu như trước đây đối với chúng tôi cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy thì ngày nay con cái đặt đâu bố mẹ ngồi đấy”.

Sự ổn định của hôn nhân là một trong những đòi hỏi của xã hội truyền thống. Nhưng đời sống hôn nhân cũng thực sự là cái nôi của những xung đột. Làm sao có thể duy trì quan hệ thân thiết giữa hai con người khác nhau trong một thời gian dài mà không tránh khỏi những bất đồng. Hệ thống gia đình gia trưởng và sự can thiệp của thiết chế thân tộc đã tạo ra sự ổn định đó. Sự liên kết của hôn nhân được tạo ra bằng sức ép từ bên ngoài. chính vì vậy, hiện tượng ly dị thường ít xảy ra trong những cuộc hôn nhân do bố mẹ sắp đặt.

Nửa thế kỷ qua, xã hội Việt Nam đã trải qua những biến đổi lớn về chính trị, kinh tế. Những thành tựu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, về quyền bình đẳng giữa hai giới tạo ra những cơ sở tác động tích cực đến đời sống hôn nhân và gia đình. Mặt khác, những hậu quả của chiến tranh, sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường có những mặt ảnh hưởng tiêu cực. Hậu quả của cơ cấu dân số nước ta hiện nay là phụ nữ bị đặt trong tình thế bất lợi về hôn nhân (marriage squeeze) do mất cân bằng về giới tính. Với việc bùng nổ của nền kinh tế thị trường, những hệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nghiện hút đang làm xói mòn thiết chế hôn nhân, nền tảng gia đình. Tỷ lệ ly dị đang có xu hướng tăng lên hiện nay là một chỉ báo về sự biến đổi của thiết chế hôn nhân. Chủ đề này cần có những nghiên cứu chuyên biệt để làm sáng tỏ những yếu tố tác động, những nguyên nhân và hậu quả của nó.

Những biến đổi xã hội nước ta trong mấy chục năm qua đã và đang tác động mạnh

mẽ đến gia đình và chúng tôi giả định rằng hôn nhân đang có sự biến đổi từ những chuẩn mực truyền thống sang chuẩn thực mới. Nói theo ngôn ngữ của nhà xã hội học Mỹ David R. Mace là “hôn nhân đang trong quá trình lộn bên trong ra bên ngoài”. Ở mức độ nào cần có những nghiên cứu theo giai đoạn (period) và theo nhóm (cohort) từ quan điểm lịch sử, đặt trong mối tương quan giữa các biến số như tuổi, giới tính, học vấn, nghề nghiệp, nơi ở v.v... làm nổi bật những đặc điểm của đời sống hôn nhân và gia đình Việt Nam, dự báo những biến đổi của nó trong thập kỷ tới.

Phù hợp với những ý nghĩa cơ bản của hôn nhân là những hình thức nhất định của tổ chức gia đình. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, ý nghĩa của hôn nhân xoay quanh những nghĩa vụ của xã hội, phù hợp với mong muốn của họ hàng, của cộng đồng. Và nếu như quy luật hôn nhân là môn đăng hộ đối (endogamy)", thì người ta chỉ có thể đem gia đình, dòng họ ra mà so sánh. Cái gia đình hạt nhân ấy được hình thành chỉ nhằm củng cố dòng họ, thân tộc. Gia đình ở đây được quan niệm là gia đình mở rộng, và những quan hệ họ hàng được coi là những quan hệ gia đình.

Khía cạnh tôn giáo trong việc thờ cúng tổ tiên của người Việt cũng góp phần mở rộng khái niệm gia đình. Gia đình không chỉ những người có quan hệ huyết thống còn sống mà cả những bậc tổ tiên đã khuất.

Nhưng căn cứ về những chỉ báo nhân khẩu học về mức sinh, mức tử vong, tuổi thọ bình quân, mô hình nơi ở, thì gia đình mở rộng gồm 3 - 4 thế hệ sống chung dưới một mái nhà trong xã hội Việt Nam truyền thống chắc không phải là phổ biến. Ở nông thôn, hộ gia đình thường là gia đình hạt nhân. Chỉ một tỷ lệ nhỏ là gia đình mở rộng gồm bố mẹ, ông bà sống chung với vợ chồng con trai trưởng như ở nông thôn miền Bắc hoặc với người con út như ở nông thôn Nam bộ.

Trong xã hội nông nghiệp truyền thống, cơ sở kinh tế gia đình là tự cấp tự túc. Vì vậy, sự tồn tại của gia đình hạt nhân tách biệt là điều khó khăn. Thiết chế thân tộc như một sự bổ sung tích cực cho gia đình hạt nhân. Nó không chỉ là chỗ dựa về kinh tế khi cần thiết, mà thiết chế thân tộc còn là chỗ dựa về tinh cảm và vai trò quan trọng trong kiểm soát xã hội. Một khi đã chấp nhận nguyên tắc như vậy thì đời sống gia đình hạt nhân chỉ là phụ. Việc vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc không không phải là điều quan trọng, và đôi khi ngay chính những người trong cuộc giải quyết những xung đột trong hôn nhân của họ không phải vì lợi ích của bản thân họ mà vì họ hàng, thân tộc hoặc sử dụng các quan hệ đó như một cứu cánh. Trong những điều kiện kinh tế, xã hội như vậy, hệ thống gia đình gia trưởng đã có một vai trò nhất định của nó. Trong hệ thống gia đình, quyền lực nằm trong tay người đàn ông, người chồng, người cha, người già, người trưởng tộc. Người vợ và con cái ở vào địa vị phụ thuộc. Bản chất của chế độ gia trưởng là tôi thỏa mãn nhu cầu của anh mà không giao cho anh một trách nhiệm nào. Người đàn ông được trao quyền lực để duy trì sự ổn định của gia đình trong trật tự của hệ thống gia trưởng.

Hệ tư tưởng Nho giáo đã củng cố quan hệ quyền lực này trong gia đình. Chế độ gia trưởng sẽ dẫn đến độc đoán. Nhưng cơ sở kinh tế đó đã không đẩy quan hệ quyền lực ấy phát triển đến tận cùng. Vì vậy, trong đời sống người ta thấy một hình thức dân chủ gia đình hay cộng đồng nào đó.

Phù hợp với cấu trúc gia đình truyền thống là sự nổi bật của chức năng kinh tế và chức năng sinh đẻ của gia đình. Giá trị truyền thống nhấn mạnh đến sự ổn định, hòa thuận, là đông con nhiều cháu. Chức năng sinh đẻ được đặc biệt nhấn mạnh. Nó là một yếu tố quan trọng để củng cố hôn nhân, làm tiền đề cho chức năng sản xuất trong điều kiện của lao động sản xuất dựa trên sức người là chính.

Trong các chức năng của gia đình Việt Nam, chức năng sản xuất chưa bao giờ biến mất, ngay cả trong thời kỳ hợp tác hóa. Khi với 5% đất đai, các gia đình làm được nửa thu nhập của mình. Trong khi đó, với 95% đất đai, hợp tác xã chỉ cung cấp được một nửa thu nhập từ kinh tế tập thể". Với việc chuyển sang kinh tế thị trường, hộ gia đình nông dân định hướng sản xuất hàng hóa khác với hộ gia đình tự cấp tự túc. Chức năng kinh tế của hộ gia đình nông thôn có sự biến đổi theo chiều sâu. Họ vẫn có chức năng sản xuất, tiêu dùng mặt khác tham gia vào thị trường với một năng động mới.

Chính sách dân số của nước ta từ những năm 60 và đặc biệt trong những năm gần hướng đến giảm quy mô gia đình. Khi những chuẩn mực xã hội biến đổi, quy mô gia đình lớn được đánh giá lại, đông con là một gánh nặng hơn là lợi ích kinh tế. Con người tìm sự thỏa mãn trong đời sống gia đình ở những khía cạnh khác hơn là cần phải sinh đẻ nhiều. Các yếu tố nhân khẩu học cũng tác động mạnh đến chức năng sinh đẻ của gia đình. Giảm tỷ lệ tử vong, đặc biệt là tử vong của trẻ sơ sinh là yếu tố quan trọng dẫn đến giảm mức sinh.

Nếu như ngay từ buổi đầu, con người tìm thấy gia đình là môi trường tốt nhất nuôi dưỡng con cái, thì trong quá trình tiến hóa của nó, gia đình còn là cái nôi để hình thành và ổn định nhân cách. Chức năng giáo dục của gia đình ngày nay càng tinh tế và linh hoạt hơn: "Để chuẩn bị cho đứa con trong một thế giới mới, cha mẹ phải chấp nhận những vai trò hoàn toàn mới. Nhiệm vụ của cha mẹ không phải là khuôn mẫu quy định tính phục tùng của con cái, mà là hợp tác với chúng một cách linh hoạt, học cách sử dụng tự do bằng trí tuệ và sự kiềm chế. Đây là một nhiệm vụ khó khăn hơn và đặt những gánh nặng lên gia đình hiện đại".

Trong vài thập kỷ qua do hậu quả của đô thị hóa và công nghiệp hóa, gia đình phương Tây đã trải qua những biến đổi mà người ta gọi là sự khủng hoảng, sự tan vỡ của gia đình do việc mất chức năng của nó. Sự rối loạn của gia đình hiện đại dẫn đến sự luyến tiếc thời đại hoàng kim của cuộc sống gia đình trong quá khứ. Tuy nhiên những nghiên cứu lịch sử và thực nghiệm gần đây đã bác bỏ quan niệm đó. Theo Talcot Parsons, việc gia đình mất chức năng không phải chỉ là vấn đề "mất" mà còn là "được". Cái được ở đây là sự giải phóng. Cũng như tổ tiên của loài người không trở thành người nếu như không giải phóng được đôi tay để chế tạo và sử dụng công cụ. Gia đình giải phóng một số chức năng sang các thiết chế xã hội khác để tập trung vào những chức năng không thể giảm được của gia đình. Đó là hình thành và ổn định nhân cách. Và nếu như có một sự rối loạn nào đó thì có nghĩa là những chức năng đó chưa phát triển đến cái mức đòi hỏi của xã hội hiện đại. Gia đình phương Tây cũng đang trong giai đoạn quá độ để thích nghi với những hoàn cảnh xã hội mới.

Gia đình truyền thống luôn ở trong quá trình xung đột để phát triển thành gia đình đích thực, hạt nhân hóa hoàn toàn. Chính vì vậy, gia đình Việt Nam trong quá khứ mang hình thức nửa hạt nhân hóa. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở nước ta đang tạo ra những cơ sở chính trị, kinh tế cho quá trình biến đổi đó của gia đình. Thiết chế thân tộc phải bị suy yếu đi nhưng không bao giờ hoàn toàn biến mất do những yêu cầu của quy luật hôn nhân.

Nghiên cứu vấn đề hôn nhân và gia đình không tách rời vấn đề phụ nữ. Quan điểm về quyền bình đẳng đòi hỏi địa vị phụ nữ phải được nâng cao trong các lĩnh vực của đời sống, kể cả trong gia đình và ngoài xã hội; xem "giới" như một loại hình phân tích. Nghiên cứu xã hội học gia đình trước đây xác định địa vị phụ nữ như những người mẹ, người nội trợ, kết quả của những đặc điểm sinh học và nhu cầu xã hội không thay đổi. Hơn nữa trong quan điểm này, gia đình không phải là một tập hợp những cá nhân với những kinh nghiệm, nhu cầu khác

nhau, mà là một nhóm dựa trên sự thống nhất về lợi ích và sự nhất trí. Hậu quả là vai trò của phụ nữ không được phân tích như là kết quả của sự phát triển lịch sử cụ thể.

Trong điều kiện hiện nay, lao động của phụ nữ ngay trong kinh tế hộ gia đình nông thôn ngày càng biểu hiện tính xã hội trực tiếp. Sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội trong những khu vực khác là những yếu tố tích cực tạo ra những cơ sở mới cho các mối quan hệ trong gia đình, sự chia sẻ trách nhiệm trong mỗi quan hệ bình đẳng. Địa vị của phụ nữ (và của cả đàn ông) trong gia đình và ảnh hưởng của sự phân công vai trò giữa nam và nữ phải trở thành tiêu điểm của sự phân tích.

Lĩnh vực hôn nhân và gia đình đề cập đến nhiều chủ đề và dẫn đến nhiều dạng nghiên cứu khác nhau. Định hướng đến những vấn đề của gia đình sẽ quyết định lĩnh vực điều tra, những câu hỏi được đặt ra, và khung lý thuyết để thu thập và giải thích các dữ kiện. Xem gia đình như một thiết chế, điều đó có nghĩa là để hiểu gia đình, nó cần phải được xem xét trong mối quan hệ với các thiết chế khác. Ngoài ra phải tính đến các yếu tố dân số, mô hình cơ động xã hội và phân tầng xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà xã hội nông nghiệp truyền thống nhấn mạnh đến họ hàng mở rộng, cha mẹ dành toàn bộ quyền quyết định trong việc dựng vợ gả chồng cho con cái. Từ quan điểm lịch sử, quan điểm giai cấp và quan điểm về quyền bình đẳng của phụ nữ nhằm "nhận diện cho đúng thực trạng của gia đình Việt Nam, hiểu được một cách sâu sắc sự vận động và sự chuyển đổi cấu trúc, chức năng của gia đình trong những biến động kinh tế - xã hội thời gian qua, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới của đất nước trên tất cả các mặt để thích ứng được với hoàn cảnh của nền văn minh nhân loại".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Trương lai: "Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam. Nhà xuất bản khoa học xã hội - Hà Nội 1991.
- 2- Đỗ Thái Đồng: "Gia đình truyền thống và những biến thái ở Nam Bộ Việt Nam", Nhà xuất bản khoa học xã hội - Hà Nội . 1991.
- 3- J. Ross Eshleman: "The family" 1988. Allyn and Bacon, Inc.

Sự hình thành gia đình nông thôn trong hoàn cảnh kinh tế xã hội mới

KHUẤT THU HỒNG

I. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Gia đình có lẽ là một thiết chế nhạy cảm nhất đối với những thay đổi kinh tế - xã hội.

Ta có thể tìm thấy dấu ấn của những sự thay đổi này trong bất cứ giai đoạn phát triển nào của gia đình, từ quá trình hình thành cuộc hôn nhân hay trong lúc các con còn nhỏ hoặc

khi cặp vợ chồng đã già và con cái đã trưởng thành... Mặt khác, hoàn cảnh kinh tế - xã hội mới sẽ dẫn đến những biến đổi trong mối quan hệ gia đình, từ vai trò của các thành viên, sự phân công lao động, đến các quan hệ tình cảm vợ - chồng, cha mẹ - con cái... Lịch sử phát triển gia đình Việt Nam cũng đã khẳng định điều đó. Các công trình nghiên cứu về gia đình đã cho thấy những thay đổi căn bản của gia đình trong nhiều thập kỷ qua như hệ quả của những biến đổi xã hội lớn. Tiếp tục nghiên cứu về gia đình của Viện Xã hội học, chúng tôi lần này tập trung vào chủ đề sự hình thành gia đình nông thôn trong hoàn cảnh kinh tế xã hội mới. Nội dung chủ yếu của nghiên cứu này là quá trình lựa chọn bạn đời: mô hình quyết định hôn nhân (hay vai trò quyết định hôn nhân của bố mẹ hay con cái), tiêu chuẩn người vợ, người chồng, và tuổi kết hôn phổ biến đối với phụ nữ.

Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước bắt đầu từ những năm cuối thập kỷ 80 đã tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống cơ cấu xã hội. Trong cơ chế mới, vai trò và vị thế của gia đình được nâng cao một bước, gia đình trở thành chủ thể sản xuất, có toàn quyền đối với chiến lược sản xuất và tiêu thụ của mình, do đó vai trò cá nhân cũng được nâng cao mặt khác, do cơ hội có việc làm và thu nhập tăng lên, tự do của cá nhân càng được củng cố. Trong những điều kiện như vậy, vai trò cá nhân trong việc thành lập gia đình có thể có những thay đổi lớn theo chiều hướng có lợi cho cá nhân. Việc xóa bỏ bao cấp đã khiến cho gia đình phải đảm nhận trở lại một số chức năng mà trước đây có sự hỗ trợ của nhà nước như xã hội hóa trẻ em, bảo hiểm và phúc lợi xã hội. Mặt khác, với trình độ phát triển của xã hội hiện nay, tất cả các chức năng của gia đình được thực hiện ở một cấp độ cao hơn. Điều đó có thể dẫn đến sự thay đổi trong tiêu chuẩn người bạn đời tương lai. Bên cạnh đó, những biến đổi trong hệ thống giá trị cũng đem lại những nét mới cho việc lựa chọn. Đồng thời khi vai trò của con cái ở đây được nâng cao thì những tiêu chuẩn để đáp ứng yêu cầu của cá nhân cũng được đặt ra. Như vậy người bạn đời tương lai phải hội đủ những tiêu chuẩn cần thiết để thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, thích hợp với chuẩn mực giá trị chung và với mong muốn của cá nhân.

Trên cơ sở những luận điểm như vậy chúng tôi đặt ra một số câu hỏi cụ thể sau đây:

1. Trong quá trình lựa chọn bạn đời ở nông thôn hiện nay, mô hình quyết định nào là phổ biến? Liệu con cái đã có thể toàn quyền trong việc lựa chọn bạn đời hay chưa, bố mẹ giữ vai trò như thế nào trong quá trình này?
2. Hiện nay những tiêu chuẩn nào của bạn đời tương lai được người ta quan tâm nhiều nhất và chúng nằm trong một trật tự ưu tiên như thế nào?
3. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội mới tác động như thế nào đến tuổi kết hôn của phụ nữ ở nông thôn hiện nay?

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỌN MẪU

Để trả lời những câu hỏi trên chúng tôi đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và phỏng vấn nhóm tập trung. Giai đoạn một chúng tôi tiến hành tại xã Trung Văn, Huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, đối tượng phỏng vấn là các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi kết hôn, những người mới kết hôn và một số thanh niên chưa có gia đình để tìm hiểu về tiêu chuẩn người bạn đời, vai trò quyết định của cha mẹ vợ con cái đối với việc lựa chọn và hôn nhân của các con. Giai đoạn hai, để làm sáng tỏ hơn những thay đổi trong sự hình thành gia đình hiện nay bằng cách so sánh các đặc điểm của từng thời kỳ lịch sử chúng tôi đã gặp gỡ 3 nhóm đối tượng ở xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây:

1. Các cụ bà ở độ tuổi 60 trở lên và đã kết hôn từ năm 1954 trở về trước (thời kỳ phong kiến)

2. Phụ nữ trung niên ở độ tuổi 30 - 58, kết hôn trong khoảng 1954 - 1988 (hay thời bao cấp).

3. Phụ nữ trẻ mới có gia đình năm 1989 trở lại đây (thời kỳ đổi mới) và nữ thanh niên chưa có gia đình.

Tổng số đã có 100 người đã được phỏng vấn và 2 cuộc phỏng vấn nhóm tập trung dành cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ phụ trách các tổ chức, đoàn thể xã hội ở địa phương.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đã có nhiều thay đổi lớn trong việc hình thành gia đình hiện nay so với những thời kỳ trước. Nếu so với thế hệ bà của họ thì quá trình lựa chọn bạn đời của số phụ nữ mới kết hôn gần đây (từ năm 1989 cho đến thời điểm phỏng vấn) đã có những biến đổi căn bản. So với thế hệ mẹ và chị của họ là những người kết hôn trong khoảng 1954 - 1988 ta cũng thấy những khác biệt đáng kể.

1. Mô hình quyết định.

Nghiên cứu về sự phát triển của hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ lịch sử, nhà xã hội học Mỹ William N. Stephens (1963) rất chú ý đến quá trình lựa chọn bạn đời, các mô hình, tần số và mức độ phổ biến của chúng trong các xã hội khác nhau. Theo ông, tương ứng với trình độ phát triển của xã hội có 4 mô hình quyết định chủ yếu của quá trình lựa chọn bạn đời.

1. Hôn nhân được sắp xếp bởi cha mẹ và gia đình;
2. Tự do lựa chọn và được sự đồng ý của cha mẹ;
3. Tự do lựa chọn không cần ý kiến của cha mẹ;
4. Hôn nhân sắp đặt và tự do lựa chọn cùng tồn tại song song.

Sử dụng cách phân loại của Stephens để so sánh những thay đổi qua các thời kỳ chúng tôi đã thu được một số kết quả như sau:

Tất cả số cụ bà trong diện phỏng vấn đều nói rằng hôn nhân của họ hoàn toàn do bố mẹ sắp đặt. Có một số trường hợp còn bị gia đình ép buộc lấy làm vợ lẽ. Ngày ấy, theo các cụ cho biết, nếu không muốn chấp nhận cuộc hôn nhân chỉ còn cách bỏ làng trốn đi nơi khác. Mặc dù là người cùng xóm nhưng họ chỉ biết mà không hề có dịp chuyện trò, tìm hiểu người chồng tương lai của mình cho đến ngày cưới. Những cụ bà là người nơi khác lấy chồng về địa phương này thì trước đó còn không hề biết mặt chồng. Hầu hết họ nói rằng họ không hề gặp mặt, không nói chuyện với người sẽ là bạn đời dù đã ăn hỏi vì xấu hổ và sợ mang tiếng là quá bạo dạn phương châm hành động duy nhất của họ lúc đó là "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy".

Hoàn cảnh sống của những phụ nữ trung niên kết hôn vào khoảng 1954 - 1988 (hay thời bao cấp) khác hơn so với các bà mẹ của họ. Nhiều hoạt động tập thể như lao động sản xuất trong hợp tác xã, sinh hoạt đoàn thanh niên đã tạo điều kiện cho nam nữ gặp gỡ và yêu đương. Trường học cũng là nơi để họ quen biết nhau. Hầu hết đều tự lựa chọn đối tượng tìm hiểu rồi xin phép bố mẹ cho kết hôn. Vẫn còn một số trường hợp theo sự sắp đặt của gia đình nhưng nói chung không mâu thuẫn lắm so với mong muốn của cá nhân. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ này việc ép duyên vẫn còn tồn tại. Đã có người vì bị cha mẹ bắt phải lấy người mình không yêu nên đã tìm cách thoát ly gia đình và nhờ đó mà trưởng thành. Tuy nhiên, nhiều người đã nói như chị P.T.H. (kết hôn năm 1985) rằng "nếu tìm hiểu rồi mà gia đình không đồng ý thì thôi, phải nghe bố mẹ".

Những thay đổi kinh tế xã hội diễn ra từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã đem lại nhiều nét mới cho quá trình hình thành gia đình ở nông thôn. Các hình thức hoạt động tập thể trước đây hầu như không còn vì lao động sản xuất nay chủ yếu tập trung trong quy mô gia đình và sinh hoạt đoàn thể cũng không được duy trì do sự giảm sút đáng kể vai trò của đoàn thanh niên. Song không vì thế mà điều kiện gặp gỡ của lớp trẻ bị thu hẹp. Trái lại cơ hội tìm gặp và lựa chọn của họ lại được mở rộng hơn.

Thời gian đi học kéo dài hơn so với thế hệ trước là một yếu tố đáng kể. Nếu thế hệ là của họ hầu như không được đến trường và trong thế hệ mẹ của họ số người học vấn cấp hai không nhiều thì tất cả những người mới kết hôn gần đây đều được đi học và hầu hết đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở, một số có trình độ cấp ba hoặc trung cấp chuyên môn. Lý do học cùng trường cùng lớp hay được đưa ra khi trả lời câu hỏi về địa điểm và lý do quen biết người chồng tương lai. Mặt khác, học vấn cao còn ảnh hưởng đáng kể tới việc nâng cao tự do cá nhân trong việc lựa chọn và quyết định hôn nhân của mình. Những người này đều tự lựa chọn người yêu, tìm hiểu một thời gian và sau đó mới báo cáo bố mẹ xin cưới, không có người nào cần đến sự mối lái hay sắp đặt của gia đình.

Bầu không khí ở làng xóm cởi mở hơn nhờ sự phát triển của nền dân chủ nói chung và sự phát triển của các mối quan hệ gia đình nói riêng, tự do cá nhân được mở rộng nên nam nữ thanh niên được bố mẹ cho phép đi chơi, nói chuyện với nhau mà không sợ làng xóm di nghị. Trước đây, những người mẹ và chị của họ chỉ được ngồi chơi nói chuyện trong nhà hoặc nhiều lắm là được đi chơi quanh trong làng với điều kiện phải có bạn gái đi kèm. Tình trạng như bác D.T.D. 51 tuổi, kết hôn năm 1966, kể với chúng tôi là rất phổ biến lúc bấy giờ: "Ngày xưa, quan hệ nam nữ (bạn bè) rất khó khăn. Nhiều trường hợp yêu nhau ghê lắm nhưng toàn phải nhờ bạn bè đưa thư từ. Nếu đứng nói chuyện với nhau ở ngoài đường, các cụ bắt gặp sẽ chửi bới". Ngày nay thanh niên được phép đi chơi trong ngày ở những nơi xa như thị xã hay Hà Nội. Thời gian gặp gỡ vào buổi tối cũng dài hơn, nếu trước đây 9 tối giờ có thể là muộn nhất thì nay giới hạn có thể là 10 giờ hoặc muộn hơn một chút. Nhận xét về lớp trẻ hiện nay, những người trong nhóm trung niên được phỏng vấn đều nhất trí rằng ngày nay thanh niên được tự do hơn thời của họ nhiều và theo họ là do "xã hội bình đẳng, bố mẹ cũng dễ dãi hơn trước". Thậm chí, đã có một số trường hợp do bố mẹ không đồng ý với sự lựa chọn của mình nên đôi nam nữ quyết định đặt gia đình vào thế đã rồi bằng cách có thai trước khi cưới.

Thay cho các sinh hoạt tập thể của thanh niên trước đây, các dịp hội hè truyền thống của địa phương đã trở thành nơi gặp gỡ và hò hẹn của lớp trẻ ngày nay. Đặc biệt có một địa điểm rất thuận lợi cho việc làm quen và tìm hiểu của nam nữ thanh niên nông thôn đó là đám cưới. Nhiều người được phỏng vấn đã kể rằng họ gặp và quen người chồng tương lai trong khi đi dự đám cưới của bạn bè và họ hàng. Trong thời gian tiến hành cuộc nghiên cứu ở địa phương chúng tôi đã chứng kiến cảnh các chàng trai cô gái ăn mặc đẹp đẽ, tung bừng tham dự lễ cưới. Họ vui vẻ không chỉ vì mừng cho hạnh phúc bạn bè, người thân mà còn tràn đầy hy vọng có thể tìm thấy người bạn đời tương lai của mình trong số những người trẻ tuổi tham dự đám cưới đó. Mặc dù lễ hội và đám cưới trước đây cũng là dịp để thanh niên tìm hiểu nhau nhưng ngày nay cơ hội tốt những dịp đó lớn hơn nhiều do tự mở rộng về quy mô tổ chức cũng như nội dung và chất lượng có nhiều đổi mới. Chẳng hạn nếu trước đây khách dự đám cưới hầu như chỉ hạn chế trong quy mô họ hàng thì ngày nay đi bạn bè của cô dâu chú rể, của anh chị em cũng rất đông. Đó là cả một đội quân dự bị hùng hậu các cô dâu chú rể của những đám cưới tiếp theo. Hơn nữa, do điều kiện kinh tế được cải thiện, nhiều đám cưới nông thôn ngày nay cũng có nhạc sống và khiêu vũ dành cho lớp trẻ.

Quần áo đẹp, nhạc, nhảy múa, những người cùng lứa tuổi, đó quả là một nơi lý tưởng cho những mối tình.

Mặc dù lớp trẻ ngày nay đã được tự do tìm hiểu và lựa chọn đối tượng như vậy song khi đi đến quyết định cưới tất cả phải xin ý kiến bố mẹ. Hầu hết đều nói rằng họ tự quyết định lựa chọn người chồng tương lai và được bố mẹ đồng ý cho cưới? Một số bậc cha mẹ khi trả lời phỏng vấn của chúng tôi đã nói: bây giờ con cái tự tìm hiểu, cha mẹ có ý kiến và quyết định cứ không ép buộc thô bạo như ngày xưa. Đa số có sự nhất trí giữa cha mẹ và con cái. Cha mẹ chỉ can thiệp nếu gia đình thông gia không tương xứng về hoàn cảnh và tuổi tác song nếu đôi trẻ quyết tâm lấy nhau thì cha mẹ cũng không nỡ ép. Có người còn nói việc các con xin ý kiến của cha mẹ hiện nay chỉ hoàn toàn mang tính thủ tục và hầu như không gặp sự phản đối. Khi chúng tôi hỏi về số phụ nữ trẻ mới kết hôn và chưa có gia đình: nếu đã báo cáo mà bố mẹ không đồng ý thì sao, đa số trả lời rằng họ sẽ thuyết phục cho đến khi nào cha mẹ bằng lòng mới thôi.

Phân tích tất cả những trường hợp được phỏng vấn, tham khảo kết quả các cuộc phỏng vấn tập trung với những người am hiểu vấn đề chúng tôi đi đến một nhận xét: *có những thay đổi kể trong mô hình quyết định hôn nhân ở nông thôn hiện nay, quyền tự do tìm hiểu và lựa chọn người bạn đời tương lai của lớp trẻ được mở rộng hơn rất nhiều so với thời kỳ trước đổi mới, Mặc dù gia đình vẫn tham gia vào quá trình quyết định song nhìn chung là tôn trọng ý muốn của cá nhân* Như vậy, theo sự phân loại của Stephens thì mô hình quyết định thứ nhất có thể được áp dụng cho quá trình lựa chọn bạn đời trong thời phong kiến. Thời kỳ bao cấp là sự hiện diện của mô hình thứ nhất và mô hình thứ hai với 3 giai đoạn chủ yếu, giai đoạn đầu là sự áp đảo của mô hình thứ nhất, tiếp đó là sự pha trộn của hai mô hình với các tỷ lệ khác nhau, sau đó là lúc mô hình thứ hai chiếm ưu thế. *Hiện nay mô hình thứ hai đang phổ biến rộng rãi, Có thể nói là thắng thế hoàn toàn ở các vùng nông thôn mà chúng tôi nghiên cứu.* Theo chúng tôi, đó là kết quả của những thay đổi về mặt xã hội như nền dân chủ được mở rộng, bầu không khí xã hội ở nông thôn được cởi mở hơn nhờ thực hiện đường lối đổi mới. Yếu tố kinh tế với vai trò là một tác nhân thúc đẩy sự phát triển quyền tự do của cá nhân chưa thể hiện rõ nét. Mặc dù sự đóng góp của các con đối với kinh tế gia đình tương đối cao, đối với những người có nghề phi nông nghiệp thì có các khoản thu rất rõ ràng sang quyền quản lý và sử dụng vẫn thuộc về bố mẹ.

2. Tiêu chuẩn người bạn đời.

Đối với thế hệ sinh ra và trưởng thành trong thời kỳ phong kiến đã không tồn tại khái niệm tiêu chuẩn người bạn đời vì quyền lựa chọn không thuộc về những người sẽ bước vào hôn nhân mà là cha mẹ, họ hàng. Vì vậy những tiêu chuẩn lựa chọn thường chỉ xoay quanh các yếu tố như giá trị của đồ thách cưới hay của hồi môn, uy tín và quyền lực của bên thông gia, các nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến cuộc hôn nhân... Hầu hết những cụ bà được chúng tôi phỏng vấn đều nói, trước đó họ chỉ biết sơ qua về hoàn cảnh gia đình, tên, tuổi và ngoại hình của người chồng tương lai, ngoài ra không biết gì hơn vì cho đến ngày cưới họ mới gặp nhau nói gì đến tiêu chuẩn này hay tiêu chuẩn khác. Cha mẹ họ đồng ý gả chỉ vì những lợi ích nào đó, đôi khi chỉ đơn thuần vì muốn con gái có tầm chồng.

Phần lớn phụ nữ trung niên trong mẫu của chúng tôi kết hôn vào thời gian chiến tranh chống Mỹ. Hơn nữa, đó là thời kỳ cực thịnh của hợp tác xã, hoàn cảnh kinh tế của các gia đình không khác nhau nhiều lắm. Nam giới hầu hết tham gia quân đội những người có học vấn cao thì đều thoát ly địa phương. Trong hoàn cảnh đó, yếu tố đạo đức chiếm vị trí hàng đầu trong các tiêu chuẩn của người bạn đời tương lai, tiêu chuẩn kinh tế bị mờ đi.

Câu là lời đầu tiên cho câu hỏi vì sao lại chọn anh ấy (chồng của họ hiện nay) của tất cả nhóm phụ nữ này là "vì anh ấy hiền lành đạo đức". Do sự quy định của các điều kiện xã hội "lúc bấy giờ nên các vị thế chính trị như đảng viên, đoàn viên, đặc biệt được ưu tiên như một chứng chỉ cho phẩm chất đạo đức. Một số người trong khi trả lời phỏng vấn của chúng tôi đã kể lại rằng hồi đó đoàn thanh niên thường chịu trách nhiệm khâu tổ chức đám cưới của các đoàn viên. Đám cưới nào có chi đoàn tổ chức thì rất vui, còn đám cưới của những người không phải là đoàn viên thì buồn tẻ có vẻ như bị coi thường. Con cái các gia đình làm ăn cá thể ngoài hợp tác xã cũng không phải là đối tượng lựa chọn của phần lớn nữ thanh niên. Về tiêu chuẩn nghề nghiệp thì lấy chồng có học vấn cao lại là cán bộ nhà nước (mà ở nông thôn vẫn được coi như một nghề) cũng là một niềm vinh dự của phụ nữ thời đó song hầu hết số nam giới đi thoát ly không trở về lấy vợ ở quê. Đa số lấy chồng là bộ đội đang tại ngũ hoặc đã xuất ngũ mặc dù nhiều người nói rằng lúc đó chúng lấy bộ đội thì lấy ai nhưng trong thực tế người chiến sĩ luôn luôn là hình ảnh đẹp đẽ và chiếm được niềm tin yêu của tất cả nhân dân. Vì vậy danh hiệu bộ đội đã có giá trị rất cao đối với các cô gái và gia đình của họ. Những người làm nghề buôn bán bị đa số coi thường vì giàu có.

Tác động của những biến đổi kinh tế xã hội đối với việc thành lập gia đình hiện nay thể hiện khá rõ trong sự thay đổi về tiêu chuẩn người bạn đời ở các vùng chúng tôi tiến hành nghiên cứu. Hệ thống giá trị chung với những xáo trộn đã có ảnh hưởng nhất định đến trật tự của các tiêu chuẩn đó. Tất cả những người phỏng vấn đều lúng túng khi được yêu cầu chọn vị trí số 1 cho hai tiêu chuẩn đạo đức và kinh tế. Họ nói rằng hai tiêu chuẩn đều quan trọng như nhau và chúng tôi thường hay gặp phương án trả lời: "Quan trọng nhất là đạo đức tốt và biết làm ăn" đối với cả người chồng và người vợ tương lai. Có thể tạo ghép các tiêu chuẩn chủ yếu vào một trật tự như sau:

Người vợ tương lai	Người chồng tương lai
1- Dịu dàng biết làm ăn	1- Hiền lành, biết làm ăn
2- Đẹp người, đẹp nét	2- Có nghề nghiệp ổn định ngoài nông nghiệp
3- Biết làm nông nghiệp + nghề phụ	3- Khỏe mạnh, đẹp trai thì càng tốt
4- Gia đình nề nếp, kinh tế tương xứng	4- Kinh tế gia đình vững, gia đình tốt
5- Cùng thôn xóm	5- Cùng thôn xóm

Mặc dù ở nông thôn nhưng tiêu chuẩn nghề nghiệp cho cả hai giới không chỉ hạn chế trong nông nghiệp. Đối với phụ nữ, người tiêu chuẩn biết làm nông giỏi, còn cần phải biết thêm nghề thủ công nào đó hoặc biết buôn bán thì càng tốt.. Nam thì đương nhiên là phải có một nghề nghiệp chính ngoài nông nghiệp, chẳng hạn như thợ mộc, thợ nề, buôn bán hay thủ công nghiệp với thu nhập cao và ổn định. Có một điều đáng chú ý là có rất ít người đề cập đến tiêu chuẩn cán bộ nhà nước. Tiêu chuẩn về ngoại hình của người vợ chiếm vị trí quan trọng thứ hai, sau đó mới là tiêu chuẩn nghề nghiệp. Ngược lại, đối với người chồng ngoại hình chỉ chiếm vị trí thứ ba sau nghề nghiệp. Về gia đình, tiêu chuẩn về nề nếp là yếu tố truyền thống nhưng tiêu chuẩn kinh tế vững đang được quan tâm hơn trước hay đúng hơn là đã được công khai thừa nhận. Không có người nào nhắc đến tiêu chuẩn học vấn cao. Khi chúng tôi gợi ý thì có người trả lời rằng bây giờ học cao cũng chẳng để làm gì vì không có khả năng thoát ly. Hơn nữa trong cơ chế mới, làm cán bộ nhà nước chưa chắc đã hơn nông dân. Có lẽ vì vậy mà đa số thanh niên nông thôn hiện nay, mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình cho phép cũng chỉ dừng lại ở trình độ phổ thông cơ sở mà không tiếp tục học lên

cao nữa. Tiêu chuẩn phải là đảng viên hay đoàn viên như một yếu tố mang tính đạo đức và chính trị cũng không được đặt ra.

Sự lựa chọn của các bậc cha mẹ đối với con dâu và con rể có một vài điểm khác với tiêu chuẩn mà con cái họ đề ra cho người bạn đời của mình. Hầu hết đều cho rằng đạo đức là chủ yếu. Con dâu thì trước hết phải ngoan ngoãn, hiếu thảo, con rể phải là người tử tế. Sau đó cô gái phải biết làm ăn, chăm chỉ, chàng trai thì phải khỏe mạnh, làm ăn giỏi. Các bậc phụ huynh của cả hai bên đều rất chú trọng đến các tiêu chuẩn truyền thống như gia đình nề nếp, tuổi tác và hoàn cảnh kinh tế tương xứng. Nếu chú rể có nhiều anh em thì càng tốt vì có chỗ dựa. Đặc biệt đối với nhiều người, con dâu có nhất thiết phải cung làng. Chỉ có một trường hợp muốn con dâu và con rể phải là cán bộ nhà nước vì con cái họ hiện nay đang là cán bộ nhà nước.

Như vậy, những thay đổi chủ yếu trong tiêu chuẩn người bạn đời hiện nay tập trung ở sự *đan xen của hai tiêu chuẩn cơ bản là đạo đức và kinh tế trên vị trí thứ nhất*. Bên cạnh đó là *những thay đổi trong tiêu chuẩn nghề nghiệp*. Phạm vi và nội dung của nó đã được mở rộng, nghề nào mang lại thu nhập cao và ổn định cũng được hoan nghênh, kể cả buôn bán vốn là một nghề xem thường trước đây.

3. Tuổi kết hôn

Dư luận trên báo chí gần đây cho rằng tuổi kết hôn ở nông thôn hiện nay đang có xu hướng giảm do việc kết hôn sớm. Có người đưa ra giả thuyết về hệ quả của chính sách ruộng đất của Nhà nước: người ta xây dựng gia đình sớm để được cấp ruộng đất. Lại có ý kiến đề cập tới sự ảnh hưởng của các văn hóa phẩm không lành mạnh và sự tự do quá trớn. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã hoàn toàn bác bỏ giả thuyết thứ nhất. Việc cấp đất cho tất cả các cặp vợ chồng mới cưới trong thực tế không diễn ra. Còn cách lý giải thứ hai cũng chưa đủ sức thuyết phục. Sự việc xảy ra khác hẳn với những phỏng đoán đó.

Tình trạng kết hôn sớm chủ yếu xảy ra đối với phụ nữ. Các cô gái lạ, 17 tuổi đã bắt đầu tìm hiểu và yêu đương, mới bước sang tuổi 18 là đã sẵn sàng cho việc cưới xin. Ở hai địa phương mà chúng tôi đến, các cô gái 20 tuổi mà chưa có ai để ý là bắt đầu lo. Vào tuổi 21 - 22 mà chưa có người hỏi thì rất dễ rơi vào nhóm quá lứa, lỡ thì. Thậm chí khi con gái mới 16 - 17 mà chưa có người dám là bố mẹ đã lo lắng vì đa số các gia đình có con gái ở tuổi đó đã có người dạm hỏi, trong khi các gia đình này thì lại nẩy đó làm điều tự hào. Người ta chỉ đợi đến tuổi 18 để lấy chồng vì muộn hơn thì sợ ế. Cho đến năm 25 tuổi mà chưa có chồng thì có thể coi là không còn cơ hội nữa.

Đáng buồn hơn là số phận của các cô gái đẹp người đẹp nết mà lại bị ế vì đã từ chối 1,2 đám hỏi trước. Trong cộng đồng làng xóm những cô gái này bị gán cho là kiêu kỳ, không ai muốn hỏi nữa, lúc đó chỉ còn cách lấy chồng thiên hạ. Dưới con mắt người dân địa phương, phải lấy chồng làng khác là một thất bại lớn trong hôn nhân. Trước những tấm gương "tày liếp" như vậy, các cô gái và cha mẹ họ chỉ dám lựa chọn đến lần thứ hai, thậm chí đồng ý ngay từ đám hỏi đầu tiên vì sợ sẽ không có ai tới hỏi nữa. Một cán bộ xã Trung vẫn đã chưa chát nhận xét rằng đối với người con gái ở đây điều quan trọng nhất là phải có tán chồng nên dù có mơ ước về những tiêu chuẩn này họ cũng khó có điều kiện lựa chọn và không cẩn thận thì sẽ bị ế.

Đại đa số những người được hỏi trong tất cả các nhóm tuổi đều nói rằng phụ nữ nên

lấy chồng ở độ tuổi 20 - 22. Nhưng trong thực tế ai cũng sợ bị ế nên chỉ cần có người thứ nhất đến hỏi là đã đồng ý luôn. Gần như tất cả số phụ nữ mới có gia đình trong những năm gần đây đều kết hôn về người yêu đầu tiên của mình. Chị H.T.H ở xã Phùng Xá, sinh năm 1974, lấy chồng năm 1993 nói với chúng tôi: "Ở đây có người 17 tuổi đã lấy chồng, em cũng không muốn cưới vội, để một vài năm nữa nhưng ở đây đã thành quy luật, đa số đã có người hỏi là phải cưới ngay". Chị N.T.L 19 tuổi, lấy chồng năm 1993 cũng nói: "Cùng lứa tuổi với em bạn bè đã lấy chồng gần hết. Đi lấy chồng sớm vì ngoài 20 tuổi là ế rồi". Trường hợp lấy chồng ở tuổi 23 như chị V.T.T. rất ít, ở độ tuổi này chị đã thấy mình đến tuổi rồi, con gái có thì, bố mẹ lo ngại cũng muốn em lấy chồng". Bác N.T.T. 51 tuổi, có con gái 22 tuổi đi dạy mẫu giáo thì nói: "Tôi rất muốn có người hỏi là gả luôn. Tôi cũng rất lo ngại".

Khi chúng tôi muốn tìm hiểu nguyên nhân của tình trạng này thì thường nhận được câu trả lời: đó là vì "phong trào" hay "quy luật" ở đây. Bác D. T. Đ. là người làm công tác phụ nữ trong nhiều năm đã cho biết về lý do lấy chồng sớm của nữ thanh niên: "... Đa số nhắm vào các cô ở lứa tuổi 18 - 19. Nếu không lấy người ta chỉ là cảnh cao rồi sẽ ế chồng. Độ 22 tuổi là đã chứng lại rồi, vì vậy bọn trẻ 18 - 19 cũng lo, muốn lấy chồng cho khỏi bị ế" Tham khảo kỹ hơn thì được biết hiện tượng kết hôn sớm còn bắt nguồn từ tâm lý muốn hoàn thành trách nhiệm với con cái của các bậc cha mẹ. Chị D. T. H. 43 tuổi giải thích đó là do tâm lý của bố mẹ, có con lớn muốn lo được đũa nào hay đũa ấy; muốn các em có vợ có chồng để chúng nó cùng lo làm ăn. Mặt khác, xu hướng của nam thanh niên ở đây thích lấy vợ trẻ hơn mình cũng là một nguyên nhân khiến cho tuổi kết hôn phổ biến của nữ giới chỉ dừng ở độ tuổi 18 - 19. Nhiều người cũng có nhận xét như bác N. T. T. rằng "Thanh niên bây giờ chuộng người trẻ, 17 - 18 tuổi, 20 tuổi coi như ế. Nếu có người hỏi nên lấy ngay, không nên để kéo dài". Chị N. T. D. 48 tuổi. Hội trưởng hội phụ nữ xã Phùng Xá thì nói: " các bậc cha mẹ cho rằng con gái có thì, so về lứa tuổi thì nữ nhiều hơn nam nếu không tranh thủ lấy chồng lại sợ ế. Thực tế ở đây không có sự mất cân bằng giới tính giữa những người trong độ tuổi kết hôn. Tuy nhiên hiện nam giới thường thích lấy vợ ở độ tuổi 18 - 19 là có thật và rất phổ biến gây ra một ảo giác về sự mất cân bằng, thực ra, số các cô gái bị "ế", hay phải đi lấy chồng "thiên hạ" không nhiều. Nhưng một khi ảo giác đã có sức lan truyền đến mức buộc người ta phải hành động theo cái gọi là " phong trào" hay " quy luật" như vậy thì thật nguy hiểm.

Tóm lại, từ kết quả nghiên cứu này và các nguồn số liệu khác có thể kết luận rằng xu hướng phổ biến kết hôn ở tuổi 18 -19 của phụ nữ nông thôn hiện nay bắt nguồn từ nguyên nhân tâm lý là chủ yếu. Đó là tâm lý thích lấy vợ trẻ của nam giới dẫn đến nỗi lo sợ " ế" chồng của nữ giới, bên cạnh đó là mong muốn khẳng định sự trưởng thành của mình "bằng chị, bằng em" của phụ nữ. Mặt khác, tâm lý lo ngại và muốn sớm hoàn thành trách nhiệm đối với con cái của các bậc cha mẹ cũng như tác động đáng kể. Bóng dáng của yếu tố kinh tế còn hết sức mờ nhạt vì ý thức độc lập của lớp trẻ con chưa rõ ràng. Đành rằng kết hôn ở độ tuổi này không vi phạm luật hôn nhân và Gia đình song đi ngược lại với cuộc vận động nâng cao tuổi kết hôn nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình kế hoạch hóa gia đình. Ai cũng biết rằng kết hôn sớm sẽ kéo dài thời kỳ sinh sản của phụ nữ trong khi đó quy mô gia đình nhỏ chưa trở thành chuẩn mực phổ biến cho hành vi sinh đẻ của người.

nông dân. Giải tỏa tâm lý trên sẽ là những đóng góp thiết thực cho chương trình kế hoạch hóa gia đình và nâng cao địa vị người phụ nữ.

IV. KẾT LUẬN

Trong hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay sự hình thành gia đình ở nông thôn đã có những thay đổi quan trọng. Trước hết là những nét mới trong mô hình quyết định: con cái đã được tự do tìm hiểu và lựa chọn đối tượng của mình, bố mẹ thường chấp nhận sự lựa chọn của các con bằng quyết định cho phép cưới, hôn nhân sắp đặt hầu như đã không còn tồn tại. Vai trò tích cực của cá nhân trong việc lựa chọn các tiêu chuẩn người bạn đời càng được khẳng định. Thay đổi chủ yếu trong các tiêu chuẩn này tập trung vào sự trung hòa hai yếu tố đạo đức và kinh tế. Tiêu chuẩn nghề nghiệp được mở rộng về phạm vi và nội dung, những nghề đem lại thu nhập cao và ổn định luôn được ưu tiên. Một số tiêu chuẩn đã từng giữ những vị trí quan trọng trong thời kỳ trước nay đã lùi xuống hàng thứ yếu hoặc biến mất. Yếu tố tâm lý giữ vai trò chủ chốt trong xu hướng kết hôn sớm ở tuổi 18 - 19 của phụ nữ.

Xin nhấn mạnh rằng đây chỉ mới là những kết quả ban đầu. Có thể có những nhận xét của chúng tôi còn phiến diện song, chúng tôi đã cố gắng nêu ra hiện trạng của vấn đề và tìm cách lý giải trong chừng mực cho phép. Trong những nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi mong muốn sẽ đưa ra những kết luận và giải thích đầy đủ và sâu sắc hơn.